

Bản án số: 124/2024/DS-ST

Ngày: 21-8-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hồng.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Quốc H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp AL, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1. Chị Nguyễn Trần Ngọc N, sinh năm: 2001.

Đăng ký thường trú: Ấp TT, xã TP, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số 303C, đường VC, phường 7, thành phố Y, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Hồ Quang P, sinh năm: 2001.

Đăng ký thường trú: Số 24 AD, khu phố 5, phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên hệ: Số 303C, đường VC, phường 7, thành phố Y, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị X, sinh năm: 1965.

Ông Võ Văn T, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp AP, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh Hồ Quang P, ông Võ Văn T và bà Lê Thị X có mặt; chị Nguyễn Trần Ngọc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Quang P trình bày:

Vào khoảng năm 2002, ông Đinh Quốc H có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông Võ Văn T và bà Lê Thị X, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Theo thỏa thuận, ông H cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông T và bà X đến khi heo xuất chuồng thì thanh toán tiền thức ăn. Ông H đã giao đầy đủ, đúng số lượng và chất lượng hàng hóa cho ông T và bà X, khi giao nhận thức ăn thì ông H có lập hai quyển sổ giao mỗi bên một quyển để theo dõi.

Trong quá trình mua bán, thời gian đầu ông T và bà X cũng có thanh toán tiền theo thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2010 sau khi bán heo thì ông T và bà X không trả tất tiền nợ, sau nhiều lần như vậy tiền nợ cộng dồn ngày càng tăng. Đến năm 2018, do thấy ông T và bà X nhiều lần thực hiện việc trả tiền không đúng theo thỏa thuận nên ông H không bán thức ăn chăn nuôi cho ông T và bà X nữa và chốt sổ thì tổng số tiền ông T và bà X còn nợ ông H là 134.835.000 đồng.

Ông H nhiều lần yêu cầu ông T và bà X thanh toán nợ nhưng ông bà không thực hiện nên ông H có gửi đơn yêu cầu đến Tổ hòa giải của ấp An Phước, xã AT tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 11/8/2018, ông T và bà X thừa nhận còn nợ ông H số tiền nêu trên và hứa sẽ thanh toán dần cho ông H đến cuối năm 2019 sẽ trả tất nợ. Sau khi chốt nợ, ông T và bà X có trả cho ông H hai lần với số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 126.835.000 đồng và đến nay không thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Nay ông Đinh Quốc H yêu cầu ông Võ Văn T và bà Lê Thị X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 126.835.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn T và bà Lê Thị X cùng trình bày:

Trước đây, ông bà có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Đinh Quốc H, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Theo thỏa thuận, ông H sẽ bán thức ăn cho ông bà đến khi heo xuất chuồng (thời gian khoảng 07 tháng) sẽ thanh toán tiền thức ăn. Phương thức giao nhận thức ăn là có khi ông H chở thức ăn đến nhà để giao hoặc ông bà trực tiếp đến cửa hàng của ông H để chở, ông H có lập hai quyển sổ để theo dõi việc giao nhận thức ăn, mỗi bên giữ một quyển.

Thời gian đầu, sau mỗi đợt bán heo thì ông bà cũng có trả tiền nợ cho ông H. Tuy nhiên, thời gian về sau do quá trình chăn nuôi heo bị dịch bệnh và giá heo không ổn định, ông T thường xuyên bị bệnh nên ông bà không có đủ tiền để trả cho ông H theo thỏa thuận.

Vợ chồng ông H nhiều lần đến nhà yêu cầu ông bà trả nợ nhưng do hoàn cảnh gia đình của ông bà đang rất khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho ông H. Ông H có yêu cầu Tổ hòa giải ấp An Phước tiến hành hòa giải, tại buổi hòa giải ông bà cũng thừa nhận còn nợ ông H số tiền 134.835.000 đồng và xin được trả dần hàng

tháng. Sau khi chốt nợ, bà X có trả cho ông H hai lần với tổng số tiền là 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 126.835.000 đồng, cho đến nay thì ông bà không trả thêm khoản tiền nào khác cho ông H.

Ông bà là vợ chồng hợp pháp, chúng sống với nhau đến nay đã hơn 40 năm. Ông bà chăn nuôi heo nhằm mục đích kiếm lời để trang trải chi phí sinh hoạt của gia đình.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc H: Ông bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 126.835.000 đồng nhưng xin được trả dần. Đối với yêu cầu tính lãi: Hiện tại, điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông bà rất khó khăn nên xin không trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc H, cụ thể:

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Quốc H số tiền nợ gốc 126.835.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Ông Đinh Quốc Hùng cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa ông với ông Võ Văn T, bà Lê Thị X nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông H có quyền khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đinh Quốc H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T, bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi theo thỏa thuận mua bán tài sản giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.3] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết vụ án: Bị đơn ông Võ Văn T và bà Lê Thị X có địa chỉ nơi cư trú tại ấp An Phước, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của chị Nhi không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất thừa nhận giữa các bên có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi heo, hợp đồng bằng lời nói, các bên thỏa thuận mua bán theo hình thức nguyên đơn cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bị đơn đến khi bị đơn bán heo thì trả tiền thức ăn cho nguyên đơn. Do trong quá trình chăn nuôi gặp khó khăn, bị thu lỗ nên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận đối với nguyên đơn. Các bên thống nhất số tiền hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn là 126.835.000 đồng - đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận, không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở chấp nhận, buộc ông T và bà X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền nợ gốc là 126.835.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi: Nguyên đơn cho rằng do bị đơn hứa sẽ thanh toán tất nợ cho nguyên đơn vào cuối năm 2019 nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 01/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024) với mức lãi suất 0.83%/tháng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2018 các bên đương sự thống nhất bị đơn sẽ trả dần hàng tháng số tiền nợ nguyên đơn nhưng đến cuối năm 2019 sẽ thanh toán tất nợ. Tuy nhiên, sau ngày hòa giải đến ngày 21/12/2018 bị đơn chỉ trả được cho nguyên đơn tổng số tiền 8.000.000 đồng và cho đến nay thì bị đơn không thanh toán thêm khoản tiền nào khác cho nguyên đơn. Như vậy, từ cuối năm 2019 đến nay thì bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tất tiền nợ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận nên có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Từ đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024) đối với số tiền nợ gốc là 126.835.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Việc thỏa thuận giao dịch mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn không có thỏa thuận về trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại khoản 2

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi như sau: (126.835.000 đồng x 0,83%/tháng x 55 tháng 20 ngày) = 58.602.000 đồng.

[2.3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với tài sản của bà Lê Thị X là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 18, diện tích 142.6m² tọa lạc tại xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và lấy lời khai của đương sự xác định yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn là không có cơ sở nên không xem xét áp dụng.

[2.4] Bị đơn xin được trả dần số tiền nợ cho nguyên đơn sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án do thuộc giai đoạn thi hành án.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng bị đơn thuộc trường hợp hộ nghèo, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên bị đơn được xem xét miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Quốc H, cụ thể:

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Quốc H số tiền: 185.437.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 126.835.000 đồng (Một trăm

hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 58.602.000 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T và bà Lê Thị X được miễn toàn bộ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Dân